



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

Trang

PHẦN I: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo tài chính và các quy định khác có liên quan.

Trên đây là nội dung:

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

Trang 1/1

• Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

• Điện thoại: (84) 90 2212 817 - 78 815 117

• Fax: (84) 90 2212 817

• Website: www.sbtvth.com

Ngày 01 tháng 01 năm 2016

• Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM

• Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM, đã ký và đóng dấu tại văn phòng Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM, ngày 01 tháng 01 năm 2016.

• Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM

• Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM, đã ký và đóng dấu tại văn phòng Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM, ngày 01 tháng 01 năm 2016.

• Ông Nguyễn Văn Hùng

• Ông Nguyễn Văn Hùng

• Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM

• Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM

• Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học TP HCM

• Ông Nguyễn Văn Hùng

• Ông Nguyễn Văn Hùng

• Ông Nguyễn Văn Hùng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty có đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con, Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con			
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Tây Ninh	403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh	Sách, thiết bị giáo dục	35,02%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 298 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 24 người.
Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Lê Kế Đức | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

• Bà Lê Phương Mai	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Vũ Văn Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Bà Nguyễn Thị Nhở	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Bà Phạm Nhật Quyên	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Trần Văn Hưng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015
• Ông Từ Trung Đan	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015
• Ông Lê Kế Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2015 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
• Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Văn Hưng

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 221/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/03/2016, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Phan Thị Lan Trang – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1936-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.124.751.236	100.244.007.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.132.017.283	31.647.748.400
1. Tiền	111		8.983.078.034	3.298.969.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.148.939.249	28.348.779.053
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.592.807.687	33.943.387.744
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.310.545.439	30.626.190.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.228.158.978	1.160.311.439
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14.200.000	550.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	8	1.167.496.214	1.898.517.515
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(127.592.944)	(291.632.054)
IV. Hàng tồn kho	140	10	32.623.857.109	33.493.709.597
1. Hàng tồn kho	141		32.786.593.931	33.551.330.808
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(162.736.822)	(57.621.211)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		776.069.157	1.159.161.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	610.869.851	967.536.986
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		165.199.306	191.624.599
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			51.882.128.933	43.330.407.683
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89.200.000	52.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		89.200.000	52.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.340.570.459	28.367.631.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	32.340.570.459	28.367.631.363
- Nguyên giá	222		47.834.049.559	43.699.365.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.493.479.100)	(15.331.734.056)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.366.652.049	1.030.836.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.366.652.049	1.030.836.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.640.872.082	3.443.359.550
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.150.872.082	2.953.359.550
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.444.834.343	10.436.580.406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	9.391.298.989	10.364.358.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		53.535.354	72.222.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.006.880.169	143.574.415.009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. Nợ phải trả	300		37.362.023.628	47.340.908.535
I. Nợ ngắn hạn	310		36.657.123.628	46.663.066.868
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.174.991.784	12.486.927.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		868.904.927	1.190.163.900
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	16	388.251.951	665.282.485
4. Phải trả người lao động	314		1.877.688.069	6.324.512.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	986.299.453	684.857.953
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		682.191.080	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	790.100.548	5.230.222.042
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19a	14.068.400.000	14.367.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.820.295.816	5.714.099.985
II. Nợ dài hạn	330		704.900.000	677.841.667
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	677.841.667
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19b	704.900.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.644.856.541	96.233.506.474
I. Vốn chủ sở hữu	410		104.644.856.541	96.233.506.474
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	5.144.921.943	4.366.905.716
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	17.893.331.260	16.408.409.578
5. Lợi nhuận sau thuế CPP	421	20	8.516.660.205	2.252.270.718
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		904.469.199	600.437.906
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.612.191.006	1.651.832.812
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.672.946.909	2.788.924.238
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		142.006.880.169	143.574.415.009



Tổng Giám đốc

Phan Văn Hưng

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	296.347.148.808	270.119.998.565
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.502.022.444	2.791.350.190
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		293.845.126.364	267.328.648.375
4. Giá vốn hàng bán	11	24	230.098.222.291	203.621.888.242
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>63.746.904.073</u>	<u>63.706.760.133</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.731.791.852	1.652.920.632
7. Chi phí tài chính	22	26	3.442.506.506	4.657.654.843
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.001.602.323	1.905.092.977
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		110.422.337	758.359.550
9. Chi phí bán hàng	25	27a	25.865.409.555	24.852.071.818
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	21.936.948.493	24.275.281.650
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>14.344.253.708</u>	<u>12.333.032.004</u>
12. Thu nhập khác	31	28	1.932.133.018	6.620.465.379
13. Chi phí khác	32	29	248.442.614	711.694.211
14. Lợi nhuận khác	40		<u>1.683.690.404</u>	<u>5.908.771.168</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>16.027.944.112</u>	<u>18.241.803.172</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.039.502.347	2.938.738.027
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	(20.990.321)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>13.976.320.553</u>	<u>15.324.055.466</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		13.829.684.191	15.046.348.334
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		146.636.362	277.707.132
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.563	1.818
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.563	1.818



Tổng Giám đốc

Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.027.944.112	18.241.803.172
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.078.869.375	2.538.318.888
- Các khoản dự phòng	03	(58.923.499)	(290.777.385)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	56.484	(1.199.575)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.041.764.591)	(6.738.505.032)
- Chi phí lãi vay	06	2.001.602.323	1.905.092.977
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	19.007.784.204	15.654.733.045
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.987.353.089)	(1.712.081.454)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	764.736.877	(2.373.911.534)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.329.072.829)	(576.469.546)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.329.726.330	1.071.091.154
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.000.770.980)	(1.905.092.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.242.698.990)	(3.119.778.664)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	48.103.000	27.100.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.064.173.194)	(1.935.560.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.526.281.329	5.130.029.561
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(12.091.378.065)	(5.047.069.477)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	902.478.183	7.369.602.058
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.420.000.000)	(40.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	13.918.600.000	5.415.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.092.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	981.574.520	1.257.461.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.708.725.362)	6.862.994.321
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.711.644.001
2. Tiền thu từ đi vay	33	51.137.000.000	32.289.091.290
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.730.700.000)	(32.586.391.290)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.739.530.600)	(12.191.433.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.333.230.600)	(7.777.089.774)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.515.674.633)	4.215.934.108
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.647.748.400	27.430.614.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(56.484)	1.199.575
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.132.017.283	31.647.748.400



Tổng Giám đốc

Trần Văn Hưng

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong năm, Công ty không tái cấu trúc

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Tây Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính: 403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh sách, thiết bị giáo dục, các loại học phẩm, ấn phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu: 35,02%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 38) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định của Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu hồi tố đối với các thay đổi này.

4.3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	535.100.646	233.130.834
Tiền gửi ngân hàng	8.447.977.388	3.065.838.513
Các khoản tương đương tiền	12.148.939.249	28.348.779.053
Cộng	21.132.017.283	31.647.748.400

6. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	1.888.138.198	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	1.286.339.454	1.922.283.532
Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục	706.779.970	279.022.957
Công ty CP Sách - TBGD Miền Nam	1.347.846.838	2.773.156.605
Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung	741.320.223	222.267.002
Các đối tượng khác	27.340.120.756	24.070.626.207
Cộng	33.310.545.439	30.626.190.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	1.888.138.198	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư	1.286.339.454	1.922.283.532
Công ty Sách TB GD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.347.846.838	2.773.156.605
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	706.779.970	279.022.957
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	69.534.940	75.374.900
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	563.806.490	524.353.299
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	741.320.223	222.267.002
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	54.243.150	-
Cộng		6.658.009.263	7.155.292.836

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
OMYACOLOR SA	409.431.542	-
Abington Partners Incorporating ScienceScope	586.184.568	-
Các đối tượng khác	232.542.868	1.160.311.439
Cộng	1.228.158.978	1.160.311.439

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	71.632.403	-	24.342.852	-
Tạm ứng	131.980.408	-	493.222.527	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	580.700	-	335.300	-
Phải thu khác	933.302.703	-	1.355.616.836	-
Cộng	1.167.496.214	-	1.898.517.515	-

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(2.000.000)	(33.000.000)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(125.592.944)	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(178.318.694)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	(80.313.360)
Cộng	(127.592.944)	(291.632.054)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.226.155.325	-	5.499.430.567	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	21.009.144	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.287.811.742	-	2.399.331.615	-
Thành phẩm	7.187.410.521	-	8.700.395.230	(6.436.411)
Hàng hóa	16.085.216.343	(162.736.822)	16.931.164.252	(51.184.800)
Cộng	32.786.593.931	(162.736.822)	33.551.330.808	(57.621.211)

Giá trị hàng tồn kho khó tiêu thụ tại 31/12/2015 là: 325.473.644 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	181.222.457	152.504.074
Chi phí sửa chữa	22.884.582	116.606.903
Chi phí bảo hiểm	9.293.280	93.163.764
Chi phí trả trước khác	397.469.532	605.262.245
Cộng	610.869.851	967.536.986

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	428.180.103	774.806.149
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	372.371.345	198.276.725
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	15.369.808	124.825.865
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	179.224.301	112.209.950
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	411.156.211	1.141.068.410
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.766.458.947	7.955.884.779
Chi phí trả trước dài hạn khác	218.538.274	57.286.306
Cộng	9.391.298.989	10.364.358.184

(*) Thuê 20.600 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.104.320.312	10.360.330.241	3.348.804.225	885.910.641	43.699.365.419
Tăng trong kỳ	-	1.225.184.000	2.435.409.090	58.276.000	3.718.869.090
Đầu tư XDCB HT	3.332.939.381	-	-	-	3.332.939.381
Th.lý, nhượng bán	-	2.495.927.255	314.908.887	-	2.810.836.142
Giảm khác	-	-	106.288.189	-	106.288.189
Số cuối kỳ	32.437.259.693	9.089.586.986	5.363.016.239	944.186.641	47.834.049.559
Khấu hao					
Số đầu năm	7.528.928.315	5.770.016.091	1.552.631.897	480.157.753	15.331.734.056
Tăng trong kỳ	1.186.882.153	1.244.972.473	506.150.349	140.864.400	3.078.869.375
T/lý, nhượng bán	-	2.495.927.255	314.908.887	-	2.810.836.142
Giảm khác	-	-	106.288.189	-	106.288.189
Số cuối kỳ	8.715.810.468	4.519.061.309	1.637.585.170	621.022.153	15.493.479.100
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.575.391.997	4.590.314.150	1.796.172.328	405.752.888	28.367.631.363
Số cuối kỳ	23.721.449.225	4.570.525.677	3.725.431.069	323.164.488	32.340.570.459

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.712.110.940 đồng.
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.647.806.914 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng nhà máy Bình Dương	616.663.639	-
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	-	158.109.090
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	4.386.352.046	190.909.092
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	1.363.636.364	681.818.182
Cộng	6.366.652.049	1.030.836.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2015				01/01/2015				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-
Cộng					<u>490.000.000</u>	<u>-</u>		<u>490.000.000</u>	<u>-</u>

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Công ty nhận đầu tư với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách Giáo Dục TP HCM	148.772.634	166.460.762
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	327.229.745	284.911.500
Chi nhánh NXBGD tại Đà Nẵng	164.107.394	167.028.994
Công ty CP DV XBGD Gia Định	2.695.028.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác	7.839.853.311	9.893.076.804
Cộng	11.174.991.784	12.486.927.760

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	327.229.745	284.911.500
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	148.772.634	166.460.762
Chi nhánh NXB GD tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	164.107.394	167.028.994
Công ty CP Đầu tư PT GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	70.308.000	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	28.433.740	10.207.780
Công ty CP DV Xuất Bản GD Gia Định	Công ty nhận đầu tư	2.695.028.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác		-	18.628.419
Cộng		3.433.880.213	2.622.687.155

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	174.331.761	759.083.681	860.887.521	72.527.921
Thuế nhập khẩu	-	24.424.547	24.424.547	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	292.488.714	2.039.502.347	2.242.698.990	89.292.071
Thuế TNCN	198.462.010	956.597.931	928.627.982	226.431.959
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.809.349.488	3.809.349.488	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	665.282.485	7.599.957.994	7.876.988.528	388.251.951

b. Phải thu

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT (Công ty con)	191.624.599	26.425.293	-	165.199.306
Cộng	191.624.599	26.425.293	-	165.199.306

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	790.937.610	483.322.553
Trích trước lãi vay	831.343	-
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	-	136.535.400
Trích trước chi phí khác	194.530.500	65.000.000
Cộng	986.299.453	684.857.953

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	18.855.519	447.732.725
Phải trả về Cổ phần hoá	-	723.771.000
Cổ tức phải trả	232.187.557	3.724.718.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	539.057.472	334.000.160
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	479.626.472	117.306.472
- Thuế thu nhập cá nhân	-	101.822.404
- Phải trả khác	59.431.000	114.871.284
Cộng	790.100.548	5.230.222.042

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	14.367.000.000	50.000.000.000	50.630.000.000	13.737.000.000
- Vay cá nhân	14.367.000.000	-	630.000.000	13.737.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	35.000.000.000	35.000.000.000	-
- NH TMCP Công thương CN 5	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	432.100.000	100.700.000	331.400.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	432.100.000	100.700.000	331.400.000
Cộng	14.367.000.000	50.432.100.000	50.730.700.000	14.068.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	1.137.000.000	100.700.000	1.036.300.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	1.137.000.000	100.700.000	1.036.300.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	1.137.000.000	100.700.000	1.036.300.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	331.400.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	704.900.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng vay số 066C15 ngày 02/06/2015. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Isuzu. Lãi suất cho vay năm đầu tiên 7,22%, các năm tiếp theo theo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tính đến 31/12/2016: 331.400.000 đồng.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.701.058.580	(3.275.267.777)	15.034.163.330	668.985.606
Tăng trong năm	-	1.436.376.224	692.885.346	-	1.402.059.725	15.101.200.021
Giảm trong năm	-	-	27.038.210	(3.275.267.777)	27.813.477	13.517.914.909
Số tại 31/12/2014	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	16.408.409.578	2.252.270.718
Số tại 01/01/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	16.408.409.578	2.252.270.718
Tăng trong kỳ	-	-	778.016.227	-	1.484.921.682	13.910.208.730
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	7.645.819.243
Số tại 31/12/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	5.144.921.943	-	17.893.331.260	8.516.660.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	2.252.270.718	668.985.606
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	13.829.684.191	15.046.348.334
Điều chỉnh do hợp nhất	80.524.539	54.851.687
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.429.259.611	68.547.700
- Trích quỹ đầu tư phát triển	139.494.719	-
- Trích quỹ dự trữ	156.360.264	16.865.545
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	993.909.909	51.682.155
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	139.494.719	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	6.216.559.632	13.449.367.209
- Trích quỹ đầu tư phát triển	621.655.963	1.352.039.602
- Trích quỹ dự trữ	621.655.963	676.019.801
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.351.591.743	3.380.099.005
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	621.655.963	676.019.801
- Chia cổ tức		7.365.189.000
Lợi nhuận chưa phân phối	8.516.660.205	2.252.270.718

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ (USD)	502,37	9.309,60

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhi	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	117.809.113.480	102.550.753.415
Doanh thu thiết bị giáo dục	158.815.889.339	150.265.154.036
Doanh thu hoạt động dạy học	19.193.100.587	16.900.034.849
Doanh thu khác	529.045.402	404.056.265
Cộng	296.347.148.808	270.119.998.565

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	2.502.022.444	2.791.350.190
Cộng	2.502.022.444	2.791.350.190

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn sách và sản phẩm in	101.246.435.463	86.127.280.437
Giá vốn thiết bị giáo dục	114.491.776.887	109.038.705.241
Giá vốn hoạt động dạy học	13.978.068.159	8.293.547.168
Giá vốn khác	276.826.171	532.580.766
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	105.115.611	(370.225.370)
Cộng	230.098.222.291	203.621.888.242

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	970.064.071	1.177.494.419
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	65.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	691.122.932	401.480.422
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.199.575
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.804.849	6.946.216
Cộng	1.731.791.852	1.652.920.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	2.001.602.323	1.905.092.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	56.484	-
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.440.847.699	2.749.756.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		2.805.769
Cộng	3.442.506.506	4.657.654.843

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương, các khoản trích theo lương	15.435.979.323	16.631.369.785
Khấu hao TSCĐ	174.813.336	18.499.984
Chi phí vận chuyển	3.038.806.853	2.882.531.678
Tiền thuê đất	2.322.807.600	1.557.395.652
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	2.918.068.742	1.342.601.190
Các khoản khác	1.974.933.701	2.419.673.529
Cộng	25.865.409.555	24.852.071.818

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương, trích theo lương	14.180.840.408	12.736.185.725
Khấu hao TSCĐ	494.803.380	581.628.631
Thù lao HĐQT	700.000.000	716.000.000
Tiền thuê đất	607.385.672	326.352.204
Các khoản khác	5.953.919.033	9.915.115.090
Cộng	21.936.948.493	24.275.281.650

28. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	902.478.183	520.172.229
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	161.981.753	186.349.085
Thanh lý công cụ hư hỏng	15.330.000	34.005.637
Chuyển nhượng vật tư	-	104.168.370
Cho thuê mặt bằng	229.549.288	371.622.483
Thu nhập khác	622.793.794	429.109.191
Cộng	1.932.133.018	6.620.465.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị vật tư chuyển nhượng	-	104.168.370
Giá trị vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	-	252.023.609
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	26.058.950	85.365.418
Chi phí cho thuê mặt bằng	210.043.446	85.046.212
Chi phí khác	12.340.218	185.090.602
Cộng	248.442.614	711.694.211

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.027.944.112	18.241.803.172
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	12.622.975.859	8.231.164.835
- Hoạt động khác không được ưu đãi	3.404.968.253	5.035.599.953
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	291.755.904	(198.142.770)
- Các khoản điều chỉnh tăng	521.584.301	880.525.249
+ Chi phí không được trừ	521.527.817	516.888.885
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.484	-
+ Lỗ tại công ty con	-	363.636.364
- Các khoản điều chỉnh giảm	229.828.397	1.078.668.019
+ Cổ tức được chia	58.800.000	65.800.000
+ Lỗ lũy kế tại Công ty con giải thể	-	13.027.755
+ Lãi Công ty liên kết	110.422.337	758.359.550
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.199.575
+ Lợi nhuận đã thực hiện	60.606.060	240.281.139
Tổng thu nhập chịu thuế	16.319.700.016	18.043.660.402
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	12.826.860.367	8.338.503.561
- Hoạt động khác không được ưu đãi	3.492.839.649	4.730.118.457
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.050.268.775	2.957.850.617
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.282.686.036	833.850.356
- Hoạt động khác không được ưu đãi	767.582.739	1.029.491.817
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.094.508.444
Thuế TNDN được miễn, giảm (ưu đãi tại Công ty con)	19.052.678	19.112.590
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.039.502.347	2.938.738.027
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.031.216.097	2.938.738.027
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	8.286.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.829.684.191	15.046.348.334
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(4.973.247.706)	(5.189.523.434)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	4.973.247.706	5.189.523.434
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	8.856.436.485	9.856.824.900
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.421.253
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.563	1.818

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.091.431.204	49.952.833.706
Chi phí nhân công	42.215.977.625	41.888.837.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.078.869.375	2.580.659.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.784.794.376	17.930.167.610
Chi phí khác bằng tiền	9.425.325.031	10.084.298.110
Cộng	122.596.397.611	122.436.797.127

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu t
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu t
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu t
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu t
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu t
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu t
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu t
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu t
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu t
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014	
Mua hàng			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	23.616.300	248.998.950
Công ty Sách TB GD Miền Nam	Cung ứng SGK, bìa bao	47.905.734.053	45.143.303.077
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng STK,VHP	825.524.006	768.384.873
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	171.136.000	189.620.000
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Cung ứng TBGD	15.222.864	64.258.296
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Cung ứng STK,VHP	43.351.723.656	23.832.190.880
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng	Cung ứng in ấn, bao thư	-	1.939.264.177
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	3.686.468.802	4.134.009.112
Bán hàng			
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	5.951.421.142	7.761.908.871
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị	67.577.840	87.049.640
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Sách, thiết bị	2.574.112.148	3.466.047.514
	Chuyển nhượng BĐS	-	10.000.000.000
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	165.962.085	59.582.852
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Thiết bị	2.378.146.856	1.985.437.339
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	184.400.170	275.796.000
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	2.081.236.759	2.313.519.424
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	2.801.741.021	2.592.536.512
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	3.980.155.547	3.837.714.461
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị	Thù lao	700.000.000	795.056.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	2.528.582.900	2.389.861.200

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2015	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k. doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	19.193.100.587	158.815.889.339	118.338.158.882	296.347.148.808
Các khoản giảm trừ	68.257.500	1.402.799.142	1.030.965.802	2.502.022.444
Giá vốn hàng bán	13.978.068.159	114.491.776.887	101.628.377.245	230.098.222.291
Chi phí bán hàng	-	18.955.092.662	6.910.316.893	25.865.409.555
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.737.216.346	12.604.575.849	4.595.156.298	21.936.948.493
Chi phí lãi vay thuần	(14.322.833)	292.907.241	752.953.844	1.031.538.252
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(729.848.767)	50.672.365	(679.176.402)
Thu nhập khác	315.616.826	93.062.150	1.523.454.042	1.932.133.018
Chi phí khác	214.519.350	19.744.094	14.179.170	248.442.614
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				110.422.337
Lợi nhuận kế toán trước thuế	524.978.891	10.412.206.847	4.980.336.037	16.027.944.112
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2015				
Phải thu của khách hàng	1.229.164.810	31.472.782.602	608.598.027	33.310.545.439
Hàng tồn kho	129.176.336	25.090.207.223	7.567.210.372	32.786.593.931
Tài sản cố định hữu hình				32.340.570.459
- Tài sản cố định HH của bộ phận	816.878.912	22.839.296.331	489.146.522	24.145.321.765
+ Nguyên giá	1.430.786.363	30.646.212.162	1.144.586.415	33.221.584.940
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(613.907.451)	(7.806.915.831)	(655.439.893)	(9.076.263.175)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	8.195.248.694
+ Nguyên giá	-	-	-	14.612.464.619
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.417.215.925)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	43.569.170.340
Tổng Tài sản				142.006.880.169
Phải trả người bán	12.249.110	5.045.789.799	6.116.952.875	11.174.991.784
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	26.187.031.844
Tổng Nợ phải trả				37.362.023.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	USD	USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	502,37	9.309,60

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

2015
V
4
1
2
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.174.991.784	-	11.174.991.784
Chi phí phải trả	986.299.453	-	986.299.453
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.068.400.000	704.900.000	14.773.300.000
Phải trả khác	771.245.029	-	771.245.029
Cộng	27.000.936.266	704.900.000	27.705.836.266
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.486.927.760	-	12.486.927.760
Chi phí phải trả	684.857.953	-	684.857.953
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.367.000.000	-	14.367.000.000
Phải trả khác	4.782.489.317	-	4.782.489.317
Cộng	32.321.275.030	-	32.321.275.030

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	21.132.017.283	-	21.132.017.283
Phải thu khách hàng	33.182.952.495	-	33.182.952.495
Phải thu về cho vay	14.200.000	89.200.000	103.400.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	1.035.515.806	-	1.035.515.806
Cộng	55.364.685.584	579.200.000	55.943.885.584
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	31.647.748.400	-	31.647.748.400
Phải thu khách hàng	30.334.558.790	-	30.334.558.790
Phải thu về cho vay	550.000.000	52.000.000	602.000.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	1.405.294.988	-	1.405.294.988
Cộng	63.937.602.178	542.000.000	64.479.602.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 04/09/2015 về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ. Ngoài ra, một số chỉ tiêu cũng được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01/01/2015	31/12/2014	Chênh lệch	Ghi chú
	Đã hồi tố			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	550.000.000	-	550.000.000	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	1.898.517.515	1.380.294.988	518.222.527	(1)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(57.621.211)	(56.852.122)	(769.089)	(6)
Tài sản ngắn hạn khác	-	518.222.527	(518.222.527)	(1)
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	43.699.365.419	40.860.242.868	2.839.122.551	(5)
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(15.331.734.056)	(14.587.018.117)	(744.715.939)	(5)
Chi phí trả trước dài hạn	10.364.358.184	11.616.541.976	(1.252.183.792)	(5)
Phải trả người bán ngắn hạn	12.486.927.760	12.595.068.984	(108.141.224)	(2)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.190.163.900	1.210.345.532	(20.181.632)	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	665.282.485	538.800.402	126.482.083	(7)
Chi phí phải trả ngắn hạn	684.857.953	752.758.233	(67.900.280)	(3)
Phải trả ngắn hạn khác	5.230.222.042	5.245.117.092	(14.895.050)	(4)
Quỹ đầu tư phát triển	16.408.409.578	12.549.012.377	3.859.397.201	(1)
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.859.397.201	(3.859.397.201)	(1)
LNST chưa phân phối kỳ này	1.651.832.812	725.742.978	926.089.834	(7)

BÁO CÁO KQHĐ KINH DOANH	Năm 2014	Năm 2014	Chênh lệch	Ghi chú
	Đã hồi tố			
Giá vốn hàng bán	203.621.888.242	204.478.237.023	(856.348.781)	(4)(5)(6)
Chi phí bán hàng	24.852.071.818	24.919.972.098	(67.900.280)	(3)
Thu nhập khác	6.620.465.379	12.304.901.910	(5.684.436.531)	(1)(2)
Chi phí khác	711.694.211	6.524.453.598	(5.812.759.387)	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.241.803.172	17.189.231.255	1.052.571.917	(7)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.938.738.027	2.812.255.944	126.482.083	(7)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.324.055.466	14.397.965.632	926.089.834	(7)
LNST của cổ đông công ty mẹ	15.046.348.334	14.120.258.500	926.089.834	(7)

(1) Trình bày lại số liệu nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp;

Điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 04/09/2015:

- Xử lý xóa nợ phải trả trên 3 năm, không có người nhận (Chi tiêu “phải trả người bán” là 108.141.224 đồng và “Người mua trả tiền trước” là 20.181.632 đồng) vào “Thu nhập khác” 128.322.856 đồng;
- Điều chỉnh giảm khoản trích trước chi phí hoa hồng môi giới, số tiền: 67.900.280 đồng. Theo đó, chi tiêu “Chi phí bán hàng” và khoản mục “Chi phí phải trả ngắn hạn” cùng giảm 67.900.280 đồng;
- Giảm chi phí thiết kế, biên soạn các loại sổ đầu bài, sổ điểm, sổ ghi tên ... do tạm trích nhiều hơn so với thanh lý hợp đồng, số tiền: 14.895.050 đồng. Theo đó, chi tiêu “Giá vốn hàng bán” và khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” cùng giảm 14.895.050 đồng;
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, trích khấu hao (nhà xưởng tại 122 Phan Văn Trị) thay cho các bút toán ghi nhận chi phí sửa chữa lớn và phân bổ chi phí của Công ty. Theo đó, nguyên giá: TSCĐ hữu hình tăng 2.839.122.551 đồng, tăng khấu hao lũy kế đến 31/12/2014 là 744.715.939 đồng (Trong đó, khấu hao lũy kế đến 31/12/2013 là 271.528.847 đồng và chi phí khấu hao năm 2014: 473.187.092 đồng); Đồng thời, hủy bút toán phân bổ chi phí sửa chữa năm 2014 là 1.315.409.912 đồng. Việc điều chỉnh trên làm khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” giảm đi 1.252.183.792 đồng và chi tiêu “Giá vốn hàng bán” giảm 842.222.820 đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- (6) Điều chỉnh tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền: 769.089 đồng dẫn đến khoản mục “Giá vốn hàng bán” tăng một lượng tương ứng;
- (7) Tổng hợp điều chỉnh tại các mục: 2, 3, 4, 5, 6 làm cho chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất tăng 1.052.571.917 đồng; Theo đó, chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành” và khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” cùng tăng lên 126.482.083 đồng; Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN”, “LNST của cổ đông công ty mẹ” trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất và khoản mục “LNST chưa phân phối kỳ này” trên Bảng CĐKT hợp nhất cùng tăng 926.089.834 đồng.



Tổng Giám đốc

Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh